

**BẢNG GHI TÊN GHI ĐIỂM**

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
1	080003	Huỳnh Lê Vĩ An	09/08/2011	Trường THCS An Thới	6,00	5,25	3,50				<b>14,75</b>	
2	080004	Nguyễn Ngọc Bảo An	13/11/2011	Trường THCS An Thới	7,00	8,05	6,85				<b>21,90</b>	
3	080005	Nguyễn Thái An	28/07/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,35	8,45				<b>24,30</b>	
4	080006	Nguyễn Thị Bôi An	18/05/2011	Trường THCS An Thới	6,00	6,80	9,85				<b>22,65</b>	
5	080007	Trần Thị Minh An	28/12/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,10	7,95				<b>21,05</b>	
6	080008	Nguyễn Thúy An	08/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	6,65	7,45				<b>21,60</b>	
7	080009	Võ Thùy An	19/12/2011	Trường THCS Long Xuyên	5,83	7,75	7,95				<b>21,53</b>	
8	080010	Lê Trường An	02/02/2011	Trường THCS An Thới	6,25	8,75	7,70				<b>22,70</b>	
9	080012	Nguyễn Hoàng Bảo Ân	08/03/2011	Trường THCS An Thới	6,75	6,90	4,95				<b>18,60</b>	
10	080013	Lê Diệp Anh	17/03/2011	Trường THCS An Thới	6,00	5,95	9,00				<b>20,95</b>	
11	080014	Trần Diệp Trâm Anh	05/10/2011	Trường THCS An Thới	5,25	7,85	9,20				<b>22,30</b>	
12	080015	Lê Diệu Anh	04/01/2011	Trường THCS Long Xuyên	6,83	9,00	7,85				<b>23,68</b>	
13	080016	Ngô Đức Anh	01/09/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,00	4,60	5,75				<b>16,35</b>	
14	080017	Nguyễn Đức Anh	21/09/2011	Trường THCS An Thới	7,75	9,50	9,05				<b>26,30</b>	
15	080018	Phạm Hồ Thái Anh	17/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	5,80	3,80				<b>16,85</b>	
16	080019	Nguyễn Hoàng Hải Anh	22/03/2011	Trường THCS An Thới	6,91	8,00	9,15				<b>24,06</b>	
17	080020	Kim Hoàng Mai Quốc Anh	08/03/2011	Trường THCS An Thới	5,91	5,40	5,70		1,0		<b>18,01</b>	
18	080021	Hồ Hoàng Minh Anh	20/04/2011	Trường THCS An Thới	7,00	5,45	4,95				<b>17,40</b>	
19	080022	Giang Hồng Anh	28/08/2011	Trường THCS An Thới	7,75	6,15	6,05				<b>19,95</b>	
20	080023	Phan Hồng Anh	23/11/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,60	6,20				<b>19,80</b>	
21	080024	Trần Hùng Anh	29/11/2011	Trường THCS An Thới	5,50	8,60	9,05				<b>23,15</b>	
22	080025	Nguyễn Huỳnh Minh Anh	30/10/2011	Trường THCS An Thới	6,25	6,65	6,00		1,0		<b>19,90</b>	
23	080026	Nguyễn Khắc Tâm Anh	30/12/2011	Trường THCS An Thới	6,75	7,30	6,95				<b>21,00</b>	
24	080027	Trịnh Kim Anh	30/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	7,80	8,75				<b>24,80</b>	
25	080028	Ngô Lâm Quỳnh Anh	02/12/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,05	9,45				<b>25,00</b>	
26	080029	Đỗ Minh Anh	19/08/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,35	7,10				<b>21,95</b>	
27	080030	Huỳnh Minh Anh	11/07/2011	Trường THCS An Thới	7,75	7,80	7,95				<b>23,50</b>	
28	080031	Nguyễn Minh Anh	19/05/2011	Trường THCS Trà An	7,25	7,85	8,45				<b>23,55</b>	
29	080032	Nguyễn Minh Anh	26/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	7,25	8,95				<b>23,70</b>	
30	080033	Trịnh Minh Anh	26/09/2011	Trường THCS An Khánh	7,00	7,70	6,25				<b>20,95</b>	
31	080034	Phan Mỹ Anh	21/01/2011	Trường THCS Chu Văn An	7,75	6,65	6,05				<b>20,45</b>	
32	080035	Trần Ngọc Anh	18/11/2011	Trường THCS Trà An	8,50	8,25	8,95				<b>25,70</b>	
33	080036	Nguyễn Ngọc Bảo Anh	22/02/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	6,25	6,85				<b>20,85</b>	
34	080037	Nguyễn Ngọc Lan Anh	07/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	6,50	7,60				<b>21,35</b>	
35	080038	Phan Ngọc Lan Anh	11/01/2011	Trường THCS An Thới	7,50	6,75	9,30				<b>23,55</b>	
36	080039	Nguyễn Ngọc Như Anh	05/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,15	6,70				<b>20,35</b>	
37	080040	Lê Ngọc Phương Anh	02/07/2011	Trường THCS Trà An	6,66	8,05	9,10				<b>23,81</b>	
38	080041	Thái Ngọc Trâm Anh	16/07/2011	Trường THCS Trà An	8,25	8,50	9,35				<b>26,10</b>	
39	080042	Nguyễn Ngọc Trúc Anh	21/04/2011	Trường THCS Trà An	7,00	8,00	8,20				<b>23,20</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
40	080043	Dương Nguyễn Ngọc Anh	28/05/2011	Trường THCS An Thái	7,00	5,35	5,30				17,65	
41	080044	Nguyễn Nguyễn Văn Anh	13/11/2011	Trường THCS Chu Văn An	7,00	5,65	7,55				20,20	
42	080045	Trần Nguyễn Văn Anh	10/05/2011	Trường THCS An Thái	7,00	8,25	8,10				23,35	
43	080046	Trần Như Quỳnh Anh	16/06/2011	Trường THCS An Thái	7,00	7,80	7,30				22,10	
44	080047	Tiêu Nhật Anh	19/01/2011	Trường THCS An Thái	6,00	6,00	7,45		1,0		20,45	
45	080048	Võ Phạm Minh Anh	05/12/2011	Trường THCS Long Xuyên	4,50	3,60	5,35				13,45	
46	080049	Nguyễn Phan Trọng Anh	09/07/2011	Trường THCS An Thái	6,50	8,00	8,05				22,55	
47	080050	Hà Phương Anh	12/05/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	6,80	7,90				22,45	
48	080051	Lê Phương Anh	12/10/2011	Trường THCS An Thái	8,25	7,50	5,35				21,10	
49	080052	Trần Phương Anh	07/07/2011	Trường THCS Trà An	8,75	7,55	7,05				23,35	
50	080053	Nguyễn Quế Anh	20/11/2011	Trường THCS An Thái	7,00	6,50	7,70				21,20	
51	080054	Hồ Quỳnh Anh	20/04/2011	Trường THCS An Thái	8,50	8,00	9,85				26,35	
52	080055	Phạm Quỳnh Anh	09/01/2011	Trường THCS An Thái	6,75	6,80	5,80				19,35	
53	080056	Tạ Quỳnh Anh	15/03/2011	Trường THCS An Thái	7,75	7,30	8,85				23,90	
54	080057	Phan Thị Mai Anh	15/01/2011	Trường THCS An Thái	7,75	7,55	9,70				25,00	
55	080058	Phạm Thị Phương Anh	28/02/2011	Trường THCS An Thái	7,25	7,35	9,75				24,35	
56	080059	Dương Thùy Anh	10/04/2011	Trường THCS An Thái	6,75	7,30	7,40				21,45	
57	080060	Lý Thùy Anh	31/12/2011	Trường THCS An Lạc	5,50	5,35	4,15				15,00	
58	080061	Đỗ Trâm Anh	13/08/2011	Trường THCS An Thái	6,25	7,15	6,70				20,10	
59	080062	Nguyễn Trần Tuấn Anh	12/12/2011	Trường THCS An Khánh	6,75	5,15	6,65				18,55	
60	080063	Huỳnh Tuấn Anh	01/01/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,00	4,10	6,20				17,30	
61	080064	Bùi Gia Bảo	20/05/2011	Trường THCS Trà An	8,25	9,00	8,30				25,55	
62	080065	Hồ Gia Bảo	08/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,50	7,80	9,20				25,50	
63	080066	Phạm Gia Bảo	26/09/2011	Trường THCS Trà An	8,50	7,60	9,60				25,70	
64	080067	Phan Gia Bảo	19/10/2011	Trường THCS An Thái	7,00	6,20	8,80				22,00	
65	080068	Trương Gia Bảo	12/12/2011	Trường THCS An Thái	8,00	7,10	9,45				24,55	
66	080069	Uông Gia Bảo	15/04/2011	Trường THCS An Thái	6,75	6,25	7,35				20,35	
67	080070	Nguyễn Mai Bảo Bảo	20/01/2011	Trường THCS An Thái	6,25	6,80	7,85				20,90	
68	080071	Hồ Nguyễn Gia Bảo	29/11/2011	Trường THCS An Thái	8,25	5,05	6,50				19,80	
69	080072	Hồ Nguyễn Gia Bảo	09/04/2011	Trường THCS An Thái	8,50	7,10	7,20				22,80	
70	080073	Nguyễn Quốc Bảo	18/07/2011	Trường THCS An Thái	7,25	6,90	6,95				21,10	
71	080074	Phạm Quốc Bảo	20/07/2011	Trường THCS Trà An	7,00	7,30	8,00				22,30	
72	080075	Trịnh Quốc Bảo	27/08/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,50	6,60	7,90		1,0		24,00	
73	080076	Hà Thiên Bảo	06/08/2011	Trường THCS An Thái	7,25	5,45	6,35				19,05	
74	080077	Nguyễn Hoàng Biên	21/10/2011	Trường THCS An Thái	3,50	4,95	4,60				13,05	
75	080078	Nguyễn Hữu Bình	28/03/2011	Trường THCS An Thái	8,00	7,10	4,70				19,80	
76	080079	Nguyễn Huy Bình	14/10/2011	Trường THCS Long Hòa	7,00	8,55	9,55				25,10	
77	080080	Nguyễn Lê Hải Bình	04/08/2011	Trường THCS Trà An	9,25	7,75	9,50				26,50	
78	080081	Phạm Thị Thanh Bình	18/02/2011	Trường THCS An Thái	6,50	7,30	5,80				19,60	
79	080082	Nguyễn Hoàng Thư Cát	01/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	6,35	3,10				15,95	
80	080083	Nguyễn Ngô Nguyệt Cát	26/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	7,25	8,45				22,70	
81	080084	Lê Bảo Châu	29/07/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,75	3,45	2,35				13,55	
82	080085	Nguyễn Bảo Châu	10/10/2011	Trường THCS An Thái	7,00	7,25	6,90				21,15	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
83	080086	Trần Bảo Châu	07/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,50	6,25	6,35				21,10	
84	080087	Ngô Hoàng Minh Châu	25/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	6,00	5,55				19,30	
85	080088	Vưu Lê Hải Châu	11/10/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,25	9,20		1,0		26,20	
86	080089	Lưu Ngọc Châu	11/08/2011	Trường THCS An Thới	8,50	7,05	8,60		1,0		25,15	
87	080090	Nguyễn Ngọc Minh Châu	19/12/2011	Trường THCS Trà An	8,50	8,50	9,70				26,70	
88	080091	Nguyễn Ngọc Minh Châu	30/09/2011	Trường THCS Trà An	8,00	8,80	9,05				25,85	
89	080092	Lê Nguyễn Ánh Châu	14/11/2011	Trường THCS Trà An	9,00	8,80	9,20				27,00	
90	080093	Vương Nguyễn Hoàng Châu	29/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	8,50	8,80	6,95				24,25	
91	080094	Huỳnh Kim Chi	16/06/2011	Trường THCS An Thới							0,00	Không chế
92	080095	Thạch Kim Chi	28/09/2011	Trường THCS An Thới	7,00	8,00	7,75		1,0		23,75	
93	080096	Chu Nguyễn Diệp Chi	15/01/2011	Trường THCS An Thới	6,50	7,60	9,05				23,15	
94	080097	Nguyễn Thái Lan Chi	11/04/2011	Trường THCS An Thới	3,25	2,30	5,70				11,25	
95	080098	Nguyễn Thành Chí	16/08/2011	Trường THCS An Thới	6,00	7,05	7,10				20,15	
96	080099	Nguyễn Trần Mỹ Chi	17/02/2011	Trường THCS An Thới	7,75	6,70	9,45				23,90	
97	080100	Võ Nhất Chính	27/10/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	4,50	5,15	5,10				14,75	
98	080101	Lê Hùng Cường	09/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	7,40	9,45				23,85	
99	080102	Hoàng Phú Cường	12/10/2011	Trường THCS An Thới	7,50	5,95	7,95				21,40	
100	080103	Lê Thanh Danh	02/01/2011	Trường THCS An Thới	6,50	6,15	7,85				20,50	
101	080104	Trịnh Thành Danh	17/07/2011	Trường THCS An Thới	6,50	7,60	8,20				22,30	
102	080105	Từ Trúc Diễm	29/11/2011	Trường THCS An Thới	6,25	7,05	8,75				22,05	
103	080106	Huỳnh Ngọc Diệp	08/02/2011	Trường THCS An Thới	5,75	7,10	8,05				20,90	
104	080107	Nguyễn Ngọc Diệp	24/07/2011	Trường THCS An Thới	6,00	6,05	5,55				17,60	
105	080108	Nguyễn Ngọc Diệp	23/02/2011	Trường THCS An Thới	8,00	7,80	9,35				25,15	
106	080109	Nguyễn Trần Ngọc Diệp	23/10/2011	Trường THCS Trà An	7,75	7,80	8,95				24,50	
107	080110	Đặng Hoàng Đình	30/03/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,00	8,75	8,45				24,20	
108	080111	Phạm Huy Du	07/09/2011	Trường THCS An Lạc	5,50	4,30	8,35				18,15	
109	080112	Trần Lý Trí Dũng	09/08/2011	Trường THCS An Thới	5,00	5,75	6,95				17,70	
110	080113	Lê Quang Dũng	13/09/2010	Trường THCS An Thới	5,25	6,20	6,05				17,50	
111	080114	Mai Tiến Dũng	24/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	7,35	7,05				21,90	
112	080115	Đinh Lâm Khánh Dương	31/07/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,60	8,70				23,80	
113	080116	Đoàn Nguyễn Ánh Dương	18/08/2011	Trường THCS Trà An	7,50	8,75	9,25				25,50	
114	080117	Nguyễn Trần Ánh Dương	16/03/2011	Trường THCS Trà An	8,00	7,80	7,90				23,70	
115	080118	Châu Anh Duy	15/10/2011	Trường THCS Thới Bình	6,75	5,55	5,80				18,10	
116	080120	Huỳnh Hải Duy	14/07/2011	Trường THCS Long Xuyên	6,50	8,05	7,05				21,60	
117	080121	Đặng Phước Duy	07/11/2011	Trường THCS An Thới	6,00	7,65	7,95				21,60	
118	080122	Hứa Thái Duy	13/01/2011	Trường THCS An Thới	6,25	6,90	7,35				20,50	
119	080123	Trần Thanh Duy	28/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	4,65	4,70				16,10	
120	080124	Nguyễn Thị Thúy Duy	03/06/2011	Trường THCS Long Hòa	6,00	8,30	7,45				21,75	
121	080125	Lê Trần Anh Duy	22/04/2011	Trường THCS Long Hòa	6,25	9,25	7,50				23,00	
122	080126	Tô Ngọc Duyên	13/09/2011	Trường THCS Trà An	7,75	7,25	8,55				23,55	
123	080127	Trần Thái Bích Duyên	17/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,50	8,55	9,60				26,65	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
124	080128	Nguyễn Thị Mỹ Duyên	19/02/2011	Trường THCS An Thái	7,75	5,65	7,05				<b>20,45</b>	
125	080129	Trần Đoàn Minh Đại	21/07/2011	Trường THCS An Thái	7,50	6,90	5,80		1,0		<b>21,20</b>	
126	080130	Nguyễn Ngọc Linh Đan	28/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	8,60	7,20				<b>23,55</b>	
127	080131	Bùi Hoàng Đăng	13/08/2011	Trường THCS Trà An	7,50	6,80	6,85				<b>21,15</b>	
128	080132	Trần Hồng Minh Đăng	11/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	7,20	8,85				<b>23,55</b>	
129	080133	Nguyễn Minh Đăng	12/09/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,25	9,30	9,35				<b>25,90</b>	
130	080134	Hồng Gia Đạt	14/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,00	7,80	7,95		1,0		<b>23,75</b>	
131	080135	Lê Hoàng Minh Đạt	26/10/2011	Trường THCS An Thái	7,50	8,25	9,50			1,0	<b>26,25</b>	
132	080136	Nguyễn Tấn Đạt	17/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	9,00	8,35				<b>25,10</b>	
133	080137	Lê Thành Đạt	12/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,80	8,20				<b>22,50</b>	
134	080138	Nguyễn Thành Đạt	18/04/2011	Trường THCS Trà An	8,00	8,00	8,95				<b>24,95</b>	
135	080139	Bùi Thiện Đạt	25/05/2011	Trường THCS Long Hòa	8,50	9,30	9,45				<b>27,25</b>	
136	080140	Nguyễn Tiến Đạt	12/03/2011	Trường THCS An Thái	8,25	8,75	9,30				<b>26,30</b>	
137	080141	Nguyễn Tiến Đạt	25/04/2011	Trường THCS An Thái	7,25	6,10	7,95		1,0		<b>22,30</b>	
138	080142	Quách Tiến Đạt	15/06/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,00	7,05	9,30				<b>23,35</b>	
139	080143	La Trần Thành Đạt	13/12/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,00	6,90	5,95				<b>17,85</b>	
140	080144	Bùi Quốc Điền	20/10/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,25	7,20	6,65				<b>21,10</b>	
141	080145	Thái Hoàng Gia Định	29/03/2011	Trường THCS Trà An	8,00	8,30	8,85				<b>25,15</b>	
142	080146	Hồ Anh Đô	20/12/2011	Trường THCS An Thái	6,00	5,55	4,45				<b>16,00</b>	
143	080147	Võ Trí Đô	03/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,75	7,55	8,45				<b>24,75</b>	
144	080148	Nguyễn Quan Khả Đồng	20/12/2011	Trường THCS An Thái	7,75	6,60	9,35		1,0		<b>24,70</b>	
145	080149	Đỗ Minh Đức	19/09/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,00	5,55	4,10				<b>16,65</b>	
146	080150	Khuu Minh Đức	25/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,00	6,90	9,20				<b>23,10</b>	
147	080151	Vũ Tiến Đức	06/02/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	7,75	6,95				<b>21,45</b>	
148	080152	Trần Hồng Gám	12/03/2011	Trường THCS Long Xuyên	8,75	6,80	7,15				<b>22,70</b>	
149	080153	Nguyễn Hào Gia	16/03/2011	Trường THCS An Thái	4,75	4,55	3,60				<b>12,90</b>	
150	080154	Nguyễn Lê Khánh Giang	19/01/2011	Trường THCS An Thái	7,75	5,55	7,60				<b>20,90</b>	
151	080155	Bùi Nguyễn Quỳnh Giang	10/03/2011	Trường THCS An Thái	8,00	8,50	8,85				<b>25,35</b>	
152	080156	Trần Nguyễn Trường Giang	23/02/2011	Trường THCS An Thái	6,75	7,55	7,40				<b>21,70</b>	
153	080157	Trần Thanh Giang	03/10/2011	Trường THCS An Thái	5,25	4,85	3,10				<b>13,20</b>	
154	080158	Nguyễn Võ Lâm Giang	27/02/2011	Trường THCS An Thái	7,50	8,05	9,20				<b>24,75</b>	
155	080159	Dương Kiều Nhật Hạ	15/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	9,50	9,60				<b>27,10</b>	
156	080160	Phạm Thị Nhật Hà	05/07/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,25	6,20	4,55				<b>18,00</b>	
157	080161	Nguyễn Thu Hà	15/11/2011	Trường THCS Trà An	7,75	6,85	7,20				<b>21,80</b>	
158	080162	Nguyễn Nam Hải	04/03/2011	Trường THCS An Thái	6,25	4,95	5,15				<b>16,35</b>	
159	080163	Huỳnh Gia Hân	01/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	8,00	9,50		1,0		<b>25,75</b>	
160	080164	Nguyễn Gia Hân	27/11/2011	Trường THCS An Thái	5,50	5,15	2,85				<b>13,50</b>	
161	080165	Phạm Gia Hân	28/01/2011	Trường THCS An Thái	6,50	6,50	7,70				<b>20,70</b>	
162	080166	Phạm Gia Hân	09/09/2011	Trường THCS Trà An	7,75	7,80	9,25				<b>24,80</b>	
163	080167	Lê Hoàng Khả Hân	07/10/2011	Trường THCS An Thái	6,25	8,80	9,35				<b>24,40</b>	
164	080168	Đặng Lâm Gia Hân	01/05/2011	Trường THCS An Thái	6,50	8,30	9,10				<b>23,90</b>	
165	080169	Bùi Ngọc Gia Hân	06/12/2011	Trường THCS An Thái	6,75	8,80	6,95				<b>22,50</b>	
166	080170	Nguyễn Ngọc Gia Hân	03/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,50	5,15	7,30				<b>18,95</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
167	080171	Nguyễn Ngọc Phương Hân	26/05/2011	Trường THCS An Thái	7,75	8,05	8,30				<b>24,10</b>	
168	080172	Trương Thị Trúc Hân	23/09/2011	Trường THCS An Thái	6,75	5,05	7,60				<b>19,40</b>	
169	080173	Lê Bùi Nguyệt Hằng	16/11/2011	Trường THCS Trà An	7,50	7,75	8,30				<b>23,55</b>	
170	080174	Nguyễn Minh Hằng	06/11/2011	Trường THCS An Thái	7,25	5,70	3,50				<b>16,45</b>	
171	080175	Bùi Thị Ngọc Hằng	31/03/2011	Trường THCS Trà An	7,50	6,65	7,85				<b>22,00</b>	
172	080176	Bùi Phương Hạnh	17/06/2011	Trường THCS Long Hòa	7,50	7,10	5,45				<b>20,05</b>	
173	080177	Nguyễn Thị Kim Hạnh	10/04/2011	Trường THCS Trà An	8,00	6,25	6,25				<b>20,50</b>	
174	080178	Nguyễn Thị Mỹ Hạnh	13/12/2011	Trường THCS An Khánh	7,25	5,35	5,55				<b>18,15</b>	
175	080179	Cao Gia Hào	06/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,00	6,25	7,85				<b>19,10</b>	
176	080180	Hồ Khánh Hào	03/12/2011	Trường THCS An Thái	7,25	6,65	9,85				<b>23,75</b>	
177	080181	Phạm Quốc Hào	07/12/2011	Trường THCS An Thái	7,25	6,20	7,95				<b>21,40</b>	
178	080182	Bùi Trần Thế Hào	07/07/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,50	6,75	8,60				<b>20,85</b>	
179	080183	Trần Thanh Hậu	22/09/2011	Trường THCS Long Xuyên	8,00	9,10	9,35				<b>26,45</b>	
180	080184	Khuru Trung Hậu	18/02/2011	Trường THCS An Thái	7,75	5,25	5,95				<b>18,95</b>	
181	080185	Ấu Gia Hiền	27/10/2011	Trường THCS An Thái	7,25	5,45	8,95				<b>21,65</b>	
182	080186	Phạm Tuấn Hiền	29/07/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	6,95	3,95				<b>17,65</b>	
183	080187	Hà Phi Hiệp	28/08/2011	Trường THCS An Thái	4,50	4,05	4,65				<b>13,20</b>	
184	080188	Nguyễn Minh Hiếu	13/02/2011	Trường THCS Trà An	7,50	5,85	7,15				<b>20,50</b>	
185	080189	Đỗ Nguyễn Minh Hiếu	22/11/2011	Trường THCS An Thái	4,00	3,25	5,55				<b>12,80</b>	
186	080190	Lê Như Hiếu	03/08/2011	Trường THCS Trà An	7,50	7,25	8,50				<b>23,25</b>	
187	080191	Lê Trọng Hiếu	20/06/2011	Trường THCS An Thái	7,25	9,25	9,40				<b>25,90</b>	
188	080192	Ngô Việt Hiếu	26/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	5,75	9,60				<b>22,10</b>	
189	080193	Đào Xuân Hiếu	03/05/2011	Trường THCS An Thái	6,25	8,05	8,85				<b>23,15</b>	
190	080194	Nguyễn Hoàng Gia Hòa	19/06/2011	Trường THCS An Thái	5,50	8,85	8,60				<b>22,95</b>	
191	080195	Đỗ Thị Ngọc Hoa	27/12/2011	Trường THCS Long Hòa	6,75	8,80	8,70				<b>24,25</b>	
192	080196	Trần Thị Xuân Hoa	03/02/2011	Trường THCS An Thái	7,50	7,55	7,95				<b>23,00</b>	
193	080197	Nguyễn Văn Hoài	27/12/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	6,75	3,40	2,50				<b>12,65</b>	
194	080198	Ngô Kim Hoàn	23/08/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,50	6,20	5,85				<b>19,55</b>	
195	080199	Trương Đoàn Huy Hoàng	20/04/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	4,00	4,45	4,45				<b>12,90</b>	
196	080200	Trịnh Gia Hoàng	30/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	6,90	6,05				<b>19,70</b>	
197	080201	Nguyễn Huy Hoàng	13/07/2011	Trường THCS An Thái	6,50	7,35	8,45				<b>22,30</b>	
198	080202	Trần Kim Hoàng	04/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,50	5,60	5,20				<b>16,30</b>	
199	080203	Huỳnh Vương Kim Hoàng	07/06/2011	Trường THCS An Thái	7,25	9,25	8,70		1,0		<b>26,20</b>	
200	080204	Bùi Xuân Hoàng	10/03/2011	Trường THCS An Thái	8,50	8,10	9,45				<b>26,05</b>	
201	080205	Nguyễn Minh Học	22/06/2011	Trường THCS An Thái	6,25	7,80	5,35				<b>19,40</b>	
202	080206	Nguyễn Chân Hưng	30/11/2011	Trường THCS Chu Văn An	6,00	4,90	7,15		1,0		<b>19,05</b>	
203	080207	Nguyễn Gia Hưng	13/06/2011	Trường THCS Long Hòa	6,75	7,85	8,10				<b>22,70</b>	
204	080208	Quách Gia Hưng	16/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	6,55	8,75		1,0		<b>23,80</b>	
205	080209	Trần Gia Hưng	20/12/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,50	7,60	8,65				<b>22,75</b>	
206	080210	Ngô Khánh Hưng	12/03/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	7,40	5,35				<b>20,50</b>	
207	080211	Lê Mạnh Hùng	21/10/2011	Trường THCS An Thái	6,00	8,30	8,55				<b>22,85</b>	
208	080212	Trần Nguyễn Phúc Hưng	24/03/2011	Trường THCS Chu Văn An	7,50	7,40	6,05				<b>20,95</b>	
209	080213	Nguyễn Phúc Hưng	12/06/2011	Trường THCS An Thái	7,50	6,85	8,20				<b>22,55</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
210	080214	Quan Quốc Hùng	24/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	6,60	8,35		1,0		<b>23,95</b>	
211	080215	Trần Thành Hưng	07/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	7,00	9,00				<b>23,00</b>	
212	080216	Ngô Tuấn Hùng	28/11/2011	Trường THCS Trà An	8,50	9,50	9,35				<b>27,35</b>	
213	080217	Đàm Việt Hưng	14/09/2011	Trường THCS An Thới	6,00	6,00	4,60				<b>16,60</b>	
214	080218	Đoàn Thị Diễm Hương	03/06/2011	Trường THCS Thạnh Phú 1	7,00	4,60	1,60				<b>13,20</b>	
215	080219	Huỳnh Bảo Gia Huy	10/02/2011	Trường THCS An Thới	8,00	8,50	8,20				<b>24,70</b>	
216	080220	Huỳnh Đan Huy	20/07/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,75	7,40	6,35				<b>20,50</b>	
217	080221	Nguyễn Đức Huy	13/10/2011	Trường THCS An Thới	8,25	9,05	9,60				<b>26,90</b>	
218	080222	Đỗ Gia Huy	06/04/2011	Trường THCS An Thới	7,00	8,10	7,40				<b>22,50</b>	
219	080223	Võ Khắc Huy	25/06/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,75	7,15	8,05				<b>22,95</b>	
220	080224	Lý Khánh Huy	14/11/2011	Trường THCS An Thới	6,00	8,05	7,60				<b>21,65</b>	
221	080225	Nguyễn Lâm Gia Huy	10/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	4,85	3,45				<b>15,30</b>	
222	080226	Phan Ngô Trọng Huy	21/07/2011	Trường THCS Trà An	8,30	8,05	6,90				<b>23,25</b>	
223	080227	Lê Ngọc Huy	08/04/2011	Trường THCS Trà An	6,75	6,65	5,95				<b>19,35</b>	
224	080228	Trần Nhật Huy	11/08/2011	Trường THCS An Thới	6,75	9,05	9,45				<b>25,25</b>	
225	080229	Nguyễn Nhật Gia Huy	09/01/2011	Trường THCS An Thới	8,25	9,50	7,50				<b>25,25</b>	
226	080230	Lê Nhựt Quang Huy	05/12/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,00	5,55	9,15				<b>20,70</b>	
227	080231	Nguyễn Phúc Huy	08/03/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,41	7,35	7,80				<b>22,56</b>	
228	080232	Nguyễn Quách Gia Huy	13/08/2011	Trường THCS An Thới	3,50	5,80	7,25				<b>16,55</b>	
229	080233	Dương Quang Huy	06/04/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,75	5,25	3,10				<b>14,10</b>	
230	080234	Đặng Quang Huy	31/08/2011	Trường THCS An Thới	8,16	9,50	7,35				<b>25,01</b>	
231	080235	Vương Quang Huy	14/10/2011	Trường THCS An Thới	5,75	6,05	8,45				<b>20,25</b>	
232	080237	Trần Quốc Huy	15/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	5,75	8,15				<b>19,40</b>	
233	080238	Phan Tấn Huy	25/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	6,40	9,70				<b>23,60</b>	
234	080239	Nguyễn Thái Gia Huy	17/08/2011	Trường THCS Trà An	7,50	8,75	5,70				<b>21,95</b>	
235	080240	Lê Thanh Huy	25/09/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,55	7,60				<b>23,90</b>	
236	080241	Trần Vũ Huy	18/10/2011	Trường THCS An Thới	6,75	8,75	8,20				<b>23,70</b>	
237	080242	Son Ngọc Huyền	31/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,25	6,00	5,55		1,0		<b>18,80</b>	
238	080243	Trịnh Thanh Huyền	24/07/2011	Trường THCS An Thới	5,00	6,00	6,90				<b>17,90</b>	
239	080244	Phạm Thị Minh Huyền	19/04/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,20	8,45				<b>23,15</b>	
240	080245	Võ Như Huỳnh	01/05/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,25	3,60	3,60				<b>14,45</b>	
241	080246	Nguyễn Hoàng Khải	20/03/2011	Trường THCS Trà An	7,00	8,55	8,55				<b>24,10</b>	
242	080247	Trần Tường Khải	25/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,50	6,70	9,25				<b>21,45</b>	
243	080248	Đỗ Chí Khang	04/05/2011	Trường THCS An Thới	5,75	6,65	8,35				<b>20,75</b>	
244	080249	Nguyễn Huy Vĩnh Khang	12/05/2011	Trường THCS Lê Quý Đôn	3,25	4,80	4,95				<b>13,00</b>	
245	080251	Huỳnh Nguyên Khang	23/10/2011	Trường THCS An Thới	6,25	8,25	9,35				<b>23,85</b>	
246	080252	Trần Phan Khang	16/12/2011	Trường THCS An Thới	6,00	7,55	5,65				<b>19,20</b>	
247	080253	Trần Phúc Khang	23/07/2011	Trường THCS Long Xuyên	6,50	7,55	7,70				<b>21,75</b>	
248	080254	Hà Sơn Khang	10/01/2011	Trường THCS An Thới	6,50	6,45	6,40				<b>19,35</b>	
249	080255	Quách Trọng Khang	18/03/2011	Trường THCS An Thới	6,25	7,15	8,55				<b>21,95</b>	
250	080256	Nguyễn Trường Khang	16/07/2011	Trường THCS Trà An	7,00	9,50	9,45				<b>25,95</b>	
251	080257	Nguyễn Tuấn Khang	01/03/2011	Trường THCS Thới Bình	6,75	8,10	6,80				<b>21,65</b>	
252	080258	Nguyễn Võ Phú Khang	13/03/2011	Trường THCS Trần Hưng Đạo	5,25	6,65	6,55				<b>18,45</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
253	080259	Trịnh Duy Khánh	06/04/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	6,75	6,75	6,45				19,95	
254	080260	Bùi Minh Khánh	24/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	7,10	8,85				22,70	
255	080261	Trương Nam Khánh	30/10/2011	Trường THCS An Thới	5,50	8,30	9,10				22,90	
256	080262	Nguyễn Ngọc Khánh	17/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,00	8,75	5,50				20,25	
257	080263	Huỳnh Nguyễn Gia Khánh	22/03/2011	Trường THCS An Hòa 1	5,00	6,00	4,70				15,70	
258	080264	Cao Phương Khánh	03/03/2011	Trường THCS Trà An	7,00	8,75	9,75				25,50	
259	080265	Nguyễn Quang Khanh	11/07/2011	Trường THCS An Thới	4,50	3,30	4,85				12,65	
260	080266	Nguyễn Quốc Khanh	23/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	5,35	3,20				14,05	
261	080267	Nguyễn Tấn Đăng Khanh	29/09/2011	Trường THCS An Thới	6,00	6,15	5,10				17,25	
262	080268	Trương Trần Duy Khánh	31/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	5,30	7,00				17,80	
263	080269	Lê Đăng Khiêm	06/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	5,25	8,50	9,30				23,05	
264	080270	Lê Đức Khiêm	04/10/2011	Trường THCS Trà An	7,00	9,30	8,20				24,50	
265	080271	Lê Anh Khoa	08/10/2011	Trường THCS An Hòa 1	5,75	7,25	9,70				22,70	
266	080272	Lưu Anh Khoa	26/07/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	5,75	7,85	8,50				22,10	
267	080273	Nguyễn Anh Khoa	16/08/2011	Trường THCS An Thới	6,25	6,80	9,20				22,25	
268	080275	Trương Anh Khoa	30/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,00	6,65	8,95				20,60	
269	080276	Lê Đăng Khoa	25/05/2011	Trường THCS An Thới	6,25	9,25	8,60				24,10	
270	080277	Lê Đăng Khoa	22/01/2011	Trường THCS Long Hòa	6,50	8,00	7,45				21,95	
271	080278	Nguyễn Đăng Khoa	29/08/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	6,75	6,65	8,10				21,50	
272	080279	Đặng Lâm Đăng Khoa	30/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	8,00	8,75	8,45			1,5	26,70	
273	080280	Phạm Minh Khoa	12/07/2011	Trường THCS An Thới	6,25	6,30	7,90				20,45	
274	080281	Dương Nguyên Khoa	23/02/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,75	6,45				21,70	
275	080282	Huỳnh Nguyễn Đăng Khoa	12/10/2011	Trường THCS An Thới	7,75	7,55	9,25				24,55	
276	080283	Trần Phan Duy Khoa	10/05/2011	Trường THCS Long Hòa	6,50	6,65	8,85				22,00	
277	080284	Võ Phan Duy Khoa	02/12/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	7,35	5,80				21,40	
278	080285	Khúc Tài Khoa	04/11/2011	Trường THCS An Thới	8,50	7,15	7,75				23,40	
279	080286	Huỳnh Anh Khôi	11/04/2011	Trường THCS An Thới	7,25	5,55	9,60				22,40	
280	080287	Võ Anh Khôi	17/09/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,00	8,80	7,95				23,75	
281	080288	Nguyễn Duy Khôi	17/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	7,05	6,70				21,25	
282	080289	Nguyễn Đăng Khôi	30/11/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	7,00	7,75				22,25	
283	080290	Trần Đăng Khôi	02/11/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	5,75	4,45	8,70				18,90	
284	080291	Nguyễn Gia Khôi	10/12/2011	Trường THCS An Thới	6,75	8,10	7,30				22,15	
285	080292	Nguyễn Hoàng Khôi	08/05/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,55	8,95				23,50	
286	080293	Nguyễn Hoàng Khôi	23/04/2011	Trường THCS Long Hòa	6,50	9,55	7,55				23,60	
287	080294	Nguyễn Minh Khôi	04/07/2011	Trường THCS An Thới	8,50	7,75	9,20				25,45	
288	080295	Nguyễn Minh Khôi	14/09/2011	Trường THCS Thới Bình	7,16	8,05	8,80				24,01	
289	080296	Phạm Minh Khôi	18/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	5,15	8,30				20,95	
290	080297	Phạm Minh Khôi	11/11/2011	Trường THCS An Khánh	8,00	6,65	6,80				21,45	
291	080298	Trần Minh Khôi	09/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	7,30	8,10				22,15	
292	080299	Vũ Minh Khôi	03/09/2011	Trường THCS An Thới	8,25	8,25	9,05				25,55	
293	080300	Hồ Nguyễn Đăng Khôi	16/03/2011	Trường THCS Thới Bình	7,25	6,10	6,80				20,15	
294	080301	Huỳnh Anh Kiệt	14/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,75	7,30	7,55				22,60	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
295	080302	Huỳnh Gia Kiệt	13/07/2011	Trường THCS Trà An	8,75	8,75	9,85				<b>27,35</b>	
296	080303	Trương Gia Kiệt	24/07/2011	Trường THCS An Thới	4,50	4,15	4,55				<b>13,20</b>	
297	080304	Lê Quốc Kiệt	17/04/2011	Trường THCS Long Hòa	7,25	7,80	5,95				<b>21,00</b>	
298	080306	Nguyễn Tuấn Kiệt	07/02/2011	Trường THCS Long Hòa	8,50	8,50	9,50				<b>26,50</b>	
299	080307	Trương Tuấn Kiệt	24/07/2011	Trường THCS An Thới	8,75	7,80	9,85				<b>26,40</b>	
300	080308	Lê Ngọc Hoàng Kim	19/05/2011	Trường THCS An Thới	4,50	4,90	6,00				<b>15,40</b>	
301	080309	Mai Nguyễn Thuýn Kim	11/12/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	6,70	7,95				<b>22,65</b>	
302	080310	Trần Thái Thiên Kim	09/02/2011	Trường THCS Thới An Đông	7,00	7,55	7,95				<b>22,50</b>	
303	080311	Đặng Thiên Kim	13/03/2011	Trường THCS An Thới	7,50	6,95	9,75				<b>24,20</b>	
304	080313	Lê Quốc Kỳ	25/05/2011	Trường THCS Long Hòa	5,25	7,80	8,00				<b>21,05</b>	
305	080314	Phạm Thư Kỳ	15/12/2011	Trường THCS An Thới	6,25	3,85	6,40				<b>16,50</b>	
306	080315	Đoàn Phạm Gia Lạc	12/10/2011	Trường THCS An Thới	6,25	8,05	7,80				<b>22,10</b>	
307	080316	Trần Hồ Văn Lam	10/12/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,25	7,85	8,45				<b>23,55</b>	
308	080317	Nguyễn Hoàng Phương Lam	23/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	6,20	4,15				<b>17,35</b>	
309	080318	Trương Nguyễn Phương Lam	12/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	6,05	8,40				<b>21,20</b>	
310	080319	Nguyễn Trần Diệu Lam	21/08/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	6,95	6,25				<b>20,95</b>	
311	080320	Nguyễn Trần Ngọc Lam	26/06/2011	Trường THCS An Thới	7,25	8,75	9,50				<b>25,50</b>	
312	080321	Lê Trúc Lam	01/08/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,50	8,80	8,55				<b>24,85</b>	
313	080322	Huỳnh Tường Lam	20/04/2011	Trường THCS An Thới	7,25	5,95	9,00				<b>22,20</b>	
314	080323	Phạm Hùng Lân	26/11/2011	Trường THCS An Thới	6,25	8,25	8,10				<b>22,60</b>	
315	080324	Nguyễn Ngọc Pha Lê	04/02/2011	Trường THCS An Thới	7,25	7,75	8,05				<b>23,05</b>	
316	080325	Nguyễn Bảo Cát Linh	11/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	6,30	5,15				<b>17,95</b>	
317	080326	Trần Bội Linh	15/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	8,75	8,20		1,0		<b>26,20</b>	
318	080327	Nguyễn Cao Phương Linh	24/03/2011	Trường THCS An Thới	5,75	5,75	8,70				<b>20,20</b>	
319	080328	Lâm Gia Linh	25/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,25	9,35		1,0		<b>24,10</b>	
320	080329	Lê Hoàng Khánh Linh	13/11/2011	Trường THCS Trà An	8,25	6,65	8,65				<b>23,55</b>	
321	080330	Phạm Hoàng Thảo Linh	10/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	5,75	8,70				<b>22,20</b>	
322	080331	Trần Lê Phương Linh	20/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,80	8,85				<b>23,15</b>	
323	080332	Trần Mai Linh	01/04/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,05	8,10				<b>23,90</b>	
324	080333	Đinh Ngọc Phương Linh	23/09/2011	Trường THCS An Thới	8,25	6,85	7,75				<b>22,85</b>	
325	080334	Nguyễn Ngọc Yến Linh	04/09/2011	Trường THCS Trà An	7,00	9,00	8,80				<b>24,80</b>	
326	080335	Mai Nguyễn Hoàng Linh	29/01/2011	Trường THCS Thới An Đông	6,25	8,05	7,45				<b>21,75</b>	
327	080336	Phạm Phương Linh	16/05/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,00	2,80	3,45				<b>12,25</b>	
328	080337	Lê Thảo Linh	18/05/2011	Trường THCS Trần Hưng Đạo	8,00	4,50	3,60				<b>16,10</b>	
329	080338	Nguyễn Thùy Linh	12/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	8,80	9,25				<b>26,30</b>	
330	080339	Nguyễn Trần Tường Linh	23/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	4,70	4,55				<b>16,00</b>	
331	080340	Tăng Bảo Lộc	07/06/2011	Trường THCS An Thới	7,25	5,30	9,10		1,0		<b>22,65</b>	
332	080341	Nguyễn Minh Lộc	02/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	6,90	8,85				<b>24,00</b>	
333	080342	Phạm Minh Lộc	17/01/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,75	7,10	7,10		1,0		<b>22,95</b>	
334	080343	Hồ Nguyễn Minh Lộc	28/09/2011	Trường THCS Trà An	6,50	8,55	6,55				<b>21,60</b>	
335	080344	Trương Quang Lộc	08/09/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,00	7,55				<b>22,05</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
336	080345	Phan Thiên Lộc	28/10/2011	Trường THCS Thới Bình	5,75	5,05	6,35				<b>17,15</b>	
337	080346	Nguyễn Trần Bảo Lộc	21/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	4,05	6,10				<b>17,90</b>	
338	080347	Phạm Duy Long	18/06/2011	Trường THCS Trà An	7,75	7,55	6,40				<b>21,70</b>	
339	080348	Nguyễn Huỳnh Long	20/04/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,75	7,65	7,50				<b>22,90</b>	
340	080349	Nguyễn Ngọc Long	17/10/2011	Trường THCS An Thới	5,00	5,30	3,45				<b>13,75</b>	
341	080350	Lê Quốc Long	06/05/2011	Trường THCS An Lạc	7,75	6,25	5,70		1,0		<b>20,70</b>	
342	080351	Bùi Thái Long	04/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,75	4,05	7,70				<b>18,50</b>	
343	080352	Lê Tuấn Thiên Long	10/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,50	8,60	8,60				<b>24,70</b>	
344	080353	Trương Bảo Luân	29/09/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,05	9,85				<b>25,65</b>	
345	080354	Nhan Minh Luân	04/07/2011	Trường THCS An Thới	7,25	7,05	7,30				<b>21,60</b>	
346	080355	Bùi Khánh Ly	15/03/2011	Trường THCS Trà An	8,25	9,00	8,20				<b>25,45</b>	
347	080356	Trần Ngọc Mai	10/05/2011	Trường THCS Long Xuyên							<b>0,00</b>	Không chế
348	080357	Nguyễn Vi Mai	12/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,00	6,70				<b>20,20</b>	
349	080358	Ngô Tuệ Mẫn	23/08/2011	Trường THCS An Hòa 1	8,75	5,90	6,00				<b>20,65</b>	
350	080359	Nguyễn Đức Mạnh	16/12/2011	Trường THCS An Thới	8,25	7,50	7,30				<b>23,05</b>	
351	080360	Nguyễn Bình Minh	24/09/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,00	8,75	8,80				<b>24,55</b>	
352	080361	Lưu Danh Quang Minh	09/10/2011	Trường THCS An Thới	6,50	8,75	7,80				<b>23,05</b>	
353	080362	Trần Giang Minh	09/09/2011	Trường THCS An Thới	8,00	8,25	8,65				<b>24,90</b>	
354	080363	Đình Hoàng Minh	28/10/2011	Trường THCS Trà An	6,25	7,10	7,30				<b>20,65</b>	
355	080364	Nguyễn Hoàng Minh	12/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,25	9,25	7,70				<b>24,20</b>	
356	080365	Phạm Hoàng Anh Minh	30/05/2011	Trường THCS An Thới	4,25	6,25	2,10				<b>12,60</b>	
357	080366	Trần Lê Ngọc Minh	09/08/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,25	7,10				<b>20,35</b>	
358	080367	Huỳnh Nguyễn Nhật Minh	24/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	8,30	6,10				<b>20,90</b>	
359	080368	Phạm Nguyễn Tiến Minh	03/11/2011	Trường THCS An Hòa 1	4,25	4,80	2,50				<b>11,55</b>	
360	080369	Lê Phan Hoàng Minh	23/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,00	7,60	8,10				<b>21,70</b>	
361	080370	Chu Quang Minh	30/03/2011	Trường THCS Lê Lợi	7,25	9,30	8,60				<b>25,15</b>	
362	080371	Nguyễn Quang Minh	23/10/2011	Trường THCS An Thới	8,00	9,00	9,60				<b>26,60</b>	
363	080372	Nguyễn Tuệ Minh	29/05/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	6,25	7,60	9,20				<b>23,05</b>	
364	080373	Lê Vĩnh Ánh Minh	01/10/2011	Trường THCS An Thới	4,75	4,65	6,55				<b>15,95</b>	
365	080374	Nguyễn Võ Tuấn Minh	13/08/2011	Trường THCS An Thới	6,50	9,50	10,0				<b>26,00</b>	
366	080375	Nguyễn Ái My	04/11/2011	Trường THCS Long Xuyên	8,75	8,55	10,0				<b>27,30</b>	
367	080376	Lý Kiều My	25/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,50	4,40	6,60				<b>16,50</b>	
368	080377	Lê Ngọc Khả My	01/11/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,50	8,55	8,45				<b>23,50</b>	
369	080378	Nguyễn Ngọc Phú Mỹ	10/05/2011	Trường THCS An Thới	8,50	7,15	9,20				<b>24,85</b>	
370	080379	Ung Nguyễn Hà My	30/01/2011	Trường THCS Trà An	8,50	5,75	8,30				<b>22,55</b>	
371	080380	Nguyễn Thảo My	17/09/2011	Trường THCS An Thới	7,25	8,75	9,35				<b>25,35</b>	
372	080381	Nguyễn Thị Yến Mỹ	08/03/2011	Trường THCS Trà An	6,75	5,95	5,60				<b>18,30</b>	
373	080382	Huỳnh Đông Nam	25/12/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	6,55	7,80		1,0		<b>21,85</b>	
374	080383	Lê Hoàng Nam	09/04/2011	Trường THCS An Thới	5,75	7,15	8,85				<b>21,75</b>	
375	080384	Lê Hoàng Nam	07/04/2011	Trường THCS An Thới	5,75	4,25	4,50				<b>14,50</b>	
376	080386	Trần Hữu Nhật Nam	25/10/2011	Trường THCS Trà An	7,50	9,50	9,30				<b>26,30</b>	
377	080387	Trịnh Nguyễn Phương Nam	01/03/2011	Trường THCS An Thới	2,50	7,55	8,10				<b>18,15</b>	
378	080388	Nguyễn Thành Nam	02/04/2011	Trường THCS An Thới	6,50	7,10	6,20				<b>19,80</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
379	080389	Nguyễn Hoàng Phương Nga	31/10/2011	Trường THCS An Thới	5,25	8,25	9,45				<b>22,95</b>	
380	080391	Lê Đường Ngọc Ngân	19/09/2011	Trường THCS Trà An	8,25	8,25	7,45				<b>23,95</b>	
381	080392	Nguyễn Hoàng Thảo Ngân	23/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	7,15	8,60				<b>23,50</b>	
382	080393	Hà Huỳnh Khánh Ngân	28/08/2011	Trường THCS An Thới	7,00	9,50	8,80				<b>25,30</b>	
383	080394	Lê Khánh Ngân	03/03/2011	Trường THCS Trà An	6,75	7,95	7,80				<b>22,50</b>	
384	080395	Phạm Kim Ngân	22/07/2011	Trường THCS Trà An	6,75	7,05	8,95				<b>22,75</b>	
385	080396	Nguyễn Ngọc Ngân	14/08/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,75	8,05	6,70				<b>22,50</b>	
386	080397	Nguyễn Ngọc Ngân	10/09/2011	Trường THCS Giai Xuân	7,25	8,80	9,00				<b>25,05</b>	
387	080398	Trần Ngọc Ngân	25/06/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	7,05	9,60				<b>24,15</b>	
388	080399	Võ Ngọc Ngân	20/05/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,75	9,10				<b>25,35</b>	
389	080400	Nguyễn Ngọc Bích Ngân	18/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	8,00	9,20				<b>23,70</b>	
390	080401	Nguyễn Ngọc Kim Ngân	04/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,50	2,85	5,80				<b>15,15</b>	
391	080402	Đặng Ngọc Thảo Ngân	09/07/2011	Trường THCS An Thới	6,50	7,05	6,70				<b>20,25</b>	
392	080403	Văng Nguyễn Bảo Ngân	22/09/2011	Trường THCS An Hòa 2	3,00	4,25	3,25				<b>10,50</b>	
393	080404	Trần Nguyễn Kim Ngân	11/10/2011	Trường THCS An Thới	7,75	7,30	7,95				<b>23,00</b>	
394	080405	Vũ Nguyễn Kim Ngân	17/08/2011	Trường THCS An Thới	8,50	7,30	8,20				<b>24,00</b>	
395	080406	Lê Nguyễn Ngọc Ngân	26/09/2011	Trường THCS An Thới	8,25	6,90	7,40				<b>22,55</b>	
396	080407	Mai Nguyễn Thảo Ngân	24/12/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,25	6,80	5,60				<b>18,65</b>	
397	080408	Nguyễn Thái Kim Ngân	17/11/2011	Trường THCS An Thới	8,25	8,50	6,55				<b>23,30</b>	
398	080409	Mai Thảo Ngân	23/06/2011	Trường THCS An Khánh	8,25	8,10	9,10				<b>25,45</b>	
399	080410	Nguyễn Thị Ngọc Ngân	17/04/2011	Trường THCS An Khánh	8,00	9,50	9,85				<b>27,35</b>	
400	080411	Lương Thị Thảo Ngân	29/04/2011	Trường THCS Long Hòa	7,00	7,35	4,45				<b>18,80</b>	
401	080412	Lâm Bảo Nghi	05/03/2011	Trường THCS Trà An	8,00	8,30	6,35				<b>22,65</b>	
402	080413	Lê Gia Nghi	04/10/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,00	6,60	7,70				<b>21,30</b>	
403	080414	Lương Gia Nghi	04/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,60	8,30				<b>22,40</b>	
404	080415	Nguyễn Gia Nghi	20/08/2011	Trường THCS An Thới	7,25	7,10	7,70				<b>22,05</b>	
405	080416	Huỳnh Khánh Nghi	15/12/2011	Trường THCS An Thới	6,75	7,35	8,45				<b>22,55</b>	
406	080417	Đặng Phương Nghi	05/10/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	4,75	5,75	5,60				<b>16,10</b>	
407	080418	Tăng Danh Nghĩa	10/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	7,80	7,55				<b>22,60</b>	
408	080419	Đoàn Đại Nghĩa	02/10/2011	Trường THCS An Thới	7,75	5,65	4,70				<b>18,10</b>	
409	080420	Nguyễn Trọng Nghĩa	27/05/2011	Trường THCS Long Hòa	6,25	7,15	8,60				<b>22,00</b>	
410	080421	Lê Văn Nghĩa	19/06/2011	Trường THCS Long Hòa	8,25	8,80	5,70		1,0		<b>23,75</b>	
411	080422	Trần Vũ Nhân Nghĩa	06/10/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,30	9,60				<b>23,90</b>	
412	080423	Châu Nguyễn Gia Nghiêm	22/02/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,50	7,55	8,55				<b>23,60</b>	
413	080424	Ngô Thành Nghiệp	24/10/2011	Trường THCS Trà An	8,75	8,00	7,60				<b>24,35</b>	
414	080425	Đoàn Bảo Ngọc	13/06/2011	Trường THCS An Thới	8,00	7,85	7,40		1,0		<b>24,25</b>	
415	080426	Lâm Bảo Ngọc	28/04/2011	Trường THCS An Thới	8,75	7,10	8,20				<b>24,05</b>	
416	080427	Lê Hoàng Ngọc	02/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,25	5,30	5,70				<b>17,25</b>	
417	080428	Lê Hoàng Khánh Ngọc	29/05/2011	Trường THCS Long Hòa	9,00	9,25	8,20				<b>26,45</b>	
418	080429	Đặng Kim Bảo Ngọc	28/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	8,30	6,70				<b>22,50</b>	
419	080430	Bùi Lê Bảo Ngọc	11/08/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,25	6,85	5,20				<b>19,30</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
420	080431	Bùi Lê Khánh Ngọc	16/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	5,80	9,45				<b>23,25</b>	
421	080432	Lê Minh Ngọc	04/11/2011	Trường THCS Trà An	6,50	9,80	9,35				<b>25,65</b>	
422	080433	Lê Nguyễn Ánh Ngọc	14/11/2011	Trường THCS Trà An	8,50	9,50	9,25				<b>27,25</b>	
423	080434	Hồ Như Ngọc	10/10/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,55	5,95				<b>20,50</b>	
424	080435	Lê Phương Bảo Ngọc	11/02/2011	Trường THCS Trần Hưng Đạo	7,00	5,00	6,75		1,0		<b>19,75</b>	
425	080436	Nguyễn Thị Mỹ Ngọc	14/05/2011	Trường THCS An Thới	7,75	7,20	8,45				<b>23,40</b>	
426	080437	Nguyễn Thị Phương Ngọc	03/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,25	4,35	2,95				<b>12,55</b>	
427	080439	Huỳnh Thùy Khánh Ngọc	11/03/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,10	5,65				<b>21,25</b>	
428	080440	Nguyễn Trần Minh Ngọc	13/04/2011	Trường THCS An Hòa 1	8,25	7,25	7,70				<b>23,20</b>	
429	080441	Nguyễn Tú Ngọc	04/05/2011	Trường THCS Trà An	8,00	7,30	8,80				<b>24,10</b>	
430	080442	Trần Đông Nguyễn	18/01/2011	Trường THCS An Thới	5,00	6,70	6,70				<b>18,40</b>	
431	080443	Lâm Hoàng Nhật Nguyên	23/01/2011	Trường THCS Trà An	6,75	6,50	8,75				<b>22,00</b>	
432	080444	Nguyễn Lê Thanh Nguyên	02/08/2011	Trường THCS Thới An Đông	6,75	7,75	5,90				<b>20,40</b>	
433	080445	Phùng Mỹ Nguyên	12/12/2011	Trường THCS An Thới	8,50	6,55	8,30				<b>23,35</b>	
434	080446	Trần Thủy Nguyên	05/10/2011	Trường THCS An Thới	6,00	6,00	6,80				<b>18,80</b>	
435	080447	Nguyễn Thị Thanh Nhã	25/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	8,05	7,70				<b>22,50</b>	
436	080448	Lê Hoàng Trọng Nhân	19/07/2011	Trường THCS An Thới	1,50	7,15	3,95		1,0		<b>13,60</b>	
437	080449	Phạm Hữu Nhân	13/07/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,25	3,65	4,35				<b>14,25</b>	
438	080450	Võ Hữu Nhân	11/05/2011	Trường THCS An Thới	8,00	6,20	6,65				<b>20,85</b>	
439	080451	Âu Quang Nhân	08/11/2011	Trường THCS An Thới	7,25	8,05	8,80				<b>24,10</b>	
440	080452	Nguyễn Thái Thành Nhân	14/01/2011	Trường THCS Thới Bình	6,50	4,35	5,15				<b>16,00</b>	
441	080453	Đặng Thành Nhân	27/08/2011	Trường THCS Thới Bình	5,00	5,25	2,60				<b>12,85</b>	
442	080454	Lâm Thành Nhân	03/12/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,90	6,05				<b>19,95</b>	
443	080455	Nguyễn Minh Nhật	27/09/2011	Trường THCS An Hòa 1	5,00	2,25	5,60				<b>12,85</b>	
444	080456	Nguyễn Minh Nhật	07/04/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,90	7,15				<b>21,05</b>	
445	080457	Cao Bảo Nhi	21/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	7,55	9,20				<b>24,00</b>	
446	080458	Nguyễn Đặng Yến Nhi	23/08/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	6,45	5,15				<b>19,10</b>	
447	080459	Lê Đỗ Lan Nhi	24/05/2011	Trường THCS An Thới	6,25	7,50	8,70				<b>22,45</b>	
448	080460	Lâm Hiếu Nhi	02/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	6,80	7,45				<b>21,25</b>	
449	080461	Đặng Lê Ái Nhi	15/11/2011	Trường THCS An Thới	7,25	7,10	8,60				<b>22,95</b>	
450	080463	Nguyễn Ngọc Yến Nhi	16/03/2011	Trường THCS Thới Bình	7,75	7,30	8,70				<b>23,75</b>	
451	080464	Đoàn Nguyễn Yến Nhi	23/03/2011	Trường THCS Thới Bình	7,75	6,80	8,35				<b>22,90</b>	
452	080465	Lâm Thanh Nhi	28/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	8,50	6,05				<b>21,55</b>	
453	080466	Nguyễn Thị Yến Nhi	01/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	5,05	3,10				<b>14,90</b>	
454	080467	Nguyễn Tuyết Nhi	25/07/2011	Trường THCS An Thới	6,25	5,05	7,05				<b>18,35</b>	
455	080468	Nguyễn Xuân Nhi	27/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	7,50	6,65				<b>20,90</b>	
456	080469	Hồ Huỳnh Quỳnh Như	01/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,75	6,40	8,10				<b>22,25</b>	
457	080470	Trần Ngọc Khánh Như	25/07/2011	Trường THCS An Thới	7,25	8,30	9,45				<b>25,00</b>	
458	080471	Lâm Nguyễn Huỳnh Như	07/08/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	7,75	8,25	5,90				<b>21,90</b>	
459	080472	Trương Quỳnh Như	09/08/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,00	3,05	6,20				<b>16,25</b>	
460	080473	Đào Phạm Trang Nhung	28/12/2011	Trường THCS An Thới	6,75	7,30	6,70				<b>20,75</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
461	080474	Phạm Thị Ngọc Nhung	20/03/2011	Trường THCS Thới An Đông	7,25	6,05	9,30				<b>22,60</b>	
462	080475	Nguyễn Duy Phát	11/02/2011	Trường THCS An Thới	7,50	6,40	8,20				<b>22,10</b>	
463	080476	Châu Gia Phát	12/12/2011	Trường THCS An Thới	7,25	7,30	8,60				<b>23,15</b>	
464	080477	Nguyễn Gia Phát	12/04/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,00	4,50	4,25				<b>14,75</b>	
465	080478	Cao Hồng Phát	18/06/2011	Trường THCS Long Hòa	7,50	9,25	6,70				<b>23,45</b>	
466	080479	Lê Minh Phát	03/06/2011	Trường THCS An Thới	6,50	6,70	7,85				<b>21,05</b>	
467	080480	Trần Minh Phát	18/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	8,05	7,20				<b>22,50</b>	
468	080481	Lê Phạm Minh Phát	29/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,25	5,45	9,15				<b>21,85</b>	
469	080482	Bùi Tấn Phát	25/10/2011	Trường THCS An Khánh	7,50	9,25	9,10				<b>25,85</b>	
470	080483	Lương Tấn Phát	14/07/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,30	7,95				<b>22,25</b>	
471	080484	Nguyễn Tấn Phát	14/03/2011	Trường THCS An Thới	7,00	8,05	8,70				<b>23,75</b>	
472	080485	Nguyễn Tấn Phát	04/04/2011	Trường THCS An Thới	3,75	5,45	5,10				<b>14,30</b>	
473	080486	Phan Tấn Phát	28/10/2011	Trường THCS An Thới	5,50	3,60	4,30				<b>13,40</b>	
474	080487	Nguyễn Hoàng Phi	09/05/2011	Trường THCS An Thới	6,75	6,00	8,20				<b>20,95</b>	
475	080488	Lê Hiến Phong	31/07/2011	Trường THCS Trà An	7,75	7,10	8,45				<b>23,30</b>	
476	080489	Trần Phú	25/10/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,80	8,30				<b>23,10</b>	
477	080490	Phạm Đình Thiên Phú	24/12/2011	Trường THCS An Thới	6,75	7,80	8,00				<b>22,55</b>	
478	080491	Lê Gia Phú	28/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,25	6,85	4,80				<b>17,90</b>	
479	080492	Phạm Huỳnh Gia Phú	14/12/2011	Trường THCS An Thới	5,75	6,40	4,20				<b>16,35</b>	
480	080493	Võ Quan Phú	20/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,50	7,25	8,35				<b>23,10</b>	
481	080494	Huỳnh Tấn Phú	30/05/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,00	7,35	8,30				<b>22,65</b>	
482	080495	Nguyễn Tấn Phú	26/11/2011	Trường THCS An Thới	6,00	5,00	7,35				<b>18,35</b>	
483	080496	Huỳnh Thanh Phú	08/09/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,75	3,95	3,45				<b>13,15</b>	
484	080497	Trần Xuân Phú	16/12/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,00	8,50	8,05				<b>24,55</b>	
485	080498	Nguyễn Xuân Gia Phú	11/11/2011	Phổ thông Việt Mỹ	6,75	6,40	7,85				<b>21,00</b>	
486	080500	Lê Đăng Bá Phúc	20/04/2011	Trường THCS An Thới	6,25	7,75	4,20				<b>18,20</b>	
487	080501	Hồ Gia Phúc	23/05/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,55	9,45				<b>24,50</b>	
488	080502	Nguyễn Hoàng Phúc	20/01/2011	Trường THCS Long Hòa	7,50	8,80	8,35				<b>24,65</b>	
489	080503	Nguyễn Hoàng Phúc	29/06/2011	Trường THCS An Thới	8,25	9,50	10,0				<b>27,75</b>	
490	080504	Võ Hoàng Phúc	15/05/2011	Trường THCS An Thới	5,08	7,10	7,85				<b>20,03</b>	
491	080505	Võ Hoàng Phúc	20/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,75	7,45	6,45				<b>19,65</b>	
492	080506	Phạm Hoàng Thiên Phúc	06/08/2011	Trường THCS An Hòa 2	4,25	2,50	3,35				<b>10,10</b>	
493	080507	Nguyễn Hữu Phúc	06/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,75	8,05	7,25				<b>21,05</b>	
494	080508	Trịnh Huỳnh Vĩnh Phúc	07/11/2011	Trường THCS An Thới	5,50	2,90	3,15				<b>11,55</b>	
495	080509	Đỗ Minh Phúc	28/11/2011	Trường THCS An Thới	7,50	9,50	9,10				<b>26,10</b>	
496	080510	Nguyễn Ngọc Phúc	25/03/2011	Trường THCS An Thới	6,25	5,55	4,70				<b>16,50</b>	
497	080511	Trần Nguyễn Toàn Phúc	22/01/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,00	5,95	9,45				<b>21,40</b>	
498	080512	Bùi Thanh Phúc	31/03/2011	Trường THCS An Thới	7,25	6,00	6,20				<b>19,45</b>	
499	080513	Trịnh Trần Gia Phúc	12/10/2011	Trường THCS Trà An	8,25	8,25	9,50				<b>26,00</b>	
500	080514	Nguyễn Kim Phụng	11/07/2011	Trường THCS Chu Văn An	7,00	7,80	6,95		1,0		<b>22,75</b>	
501	080515	Võ Ngọc Toàn Phụng	12/10/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	5,45	5,85				<b>18,05</b>	
502	080516	Lương Thanh Xuân Phụng	30/05/2011	Trường THCS Long Hòa	6,00	5,25	5,95				<b>17,20</b>	
503	080517	Nguyễn Ái Phương	29/09/2011	Trường THCS An Thới	8,00	8,80	9,05				<b>25,85</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
504	080518	Nguyễn Đoàn Khánh Phương	12/04/2011	Trường THCS An Thới	7,25	6,90	6,20				<b>20,35</b>	
505	080519	Nguyễn Đông Phương	01/10/2011	Trường THCS Trần Hưng Đạo	8,00	6,60	9,70				<b>24,30</b>	
506	080520	Lê Hồ Ngọc Phương	21/04/2011	Trường THCS An Thới	8,25	8,85	9,05				<b>26,15</b>	
507	080521	Lê Hoàng Diễm Phương	27/04/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,00	5,70	6,20				<b>18,90</b>	
508	080523	Nguyễn Khắc Huy Phương	10/11/2011	Trường THCS An Thới	6,75	7,15	9,35				<b>23,25</b>	
509	080524	Trần Mai Phương	17/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	7,15	8,95				<b>24,10</b>	
510	080525	Trần Ngọc Khánh Phương	13/08/2011	Trường THCS An Thới	6,50	6,40	9,15				<b>22,05</b>	
511	080526	Phạm Nguyễn An Phương	20/04/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	6,25	5,55	6,55				<b>18,35</b>	
512	080527	Nguyễn Nhã Phương	27/12/2011	Trường THCS Long Xuyên	4,75	3,10	3,25				<b>11,10</b>	
513	080528	Phạm Thị Kiều Phương	10/03/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,55	6,95				<b>22,00</b>	
514	080529	Nguyễn Thị Thanh Phương	24/05/2011	Trường THCS An Thới	7,50	5,85	6,85				<b>20,20</b>	
515	080530	Bùi Trần Khánh Phương	04/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,25	6,55	5,85				<b>18,65</b>	
516	080531	Bùi Trần Minh Phương	04/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,50	8,75	9,35				<b>26,60</b>	
517	080532	Nguyễn Tuệ Phương	29/09/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,05	7,05				<b>22,85</b>	
518	080533	Nguyễn Vũ Phương	26/04/2011	Trường THCS An Thới	8,25	5,15	7,05				<b>20,45</b>	
519	080534	Ngô Anh Quân	21/08/2011	Trường THCS An Thới	7,25	7,30	9,85				<b>24,40</b>	
520	080535	Phan Anh Quân	29/09/2011	Trường THCS An Khánh	5,00	6,25	8,45				<b>19,70</b>	
521	080536	Trần Đỗ Quân	29/01/2011	Trường THCS An Thới	6,50	5,75	8,80				<b>21,05</b>	
522	080537	Ngô Minh Quân	19/08/2011	Trường THCS An Thới	7,75	5,95	4,80		1,5		<b>20,00</b>	
523	080538	Trần Trung Quân	01/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,75	8,05	5,95				<b>21,75</b>	
524	080539	Từ Nguyễn Vinh Quang	06/05/2011	Trường THCS An Thới	5,25	6,90	6,85				<b>19,00</b>	
525	080540	Hà Anh Quốc	16/07/2011	Trường THCS An Khánh	6,25	7,55	8,10				<b>21,90</b>	
526	080541	Nguyễn Minh Quý	29/11/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,30	8,40				<b>24,45</b>	
527	080542	Lâm Phú Quý	23/09/2011	Trường THCS An Thới	5,50	5,45	6,05				<b>17,00</b>	
528	080543	Triệu Minh Quyền	07/04/2011	Trường THCS An Thới	8,00	7,15	6,70				<b>21,85</b>	
529	080544	Nguyễn Ngọc Mỹ Quyền	02/12/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,25	7,10	7,40				<b>21,75</b>	
530	080545	Võ Ngọc Phương Quyền	14/02/2011	Trường THCS Trà An	7,25	8,75	9,00				<b>25,00</b>	
531	080546	Trương Thảo Quyền	03/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,25	8,55	9,25				<b>25,05</b>	
532	080547	Nguyễn Thị Kim Quyền	25/06/2011	Trường THCS Trà An	8,25	7,80	9,85				<b>25,90</b>	
533	080548	Trần Tú Quyền	09/09/2011	Trường THCS An Thới	6,50	6,50	5,80				<b>18,80</b>	
534	080549	Lê Hoàng Như Quỳnh	19/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	4,25	4,10				<b>15,10</b>	
535	080550	Lâm Nguyễn Như Quỳnh	10/04/2011	Trường THCS Trà An	7,50	8,60	7,85		1,0		<b>24,95</b>	
536	080551	Đỗ Như Quỳnh	31/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	7,75	5,95				<b>21,45</b>	
537	080552	Đông Như Quỳnh	25/06/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,35	5,95				<b>20,80</b>	
538	080553	Lê Như Quỳnh	14/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	6,25	8,20				<b>21,95</b>	
539	080554	Phạm Như Quỳnh	16/04/2011	Trường THCS An Thới	7,50	3,85	4,50				<b>15,85</b>	
540	080555	Tạ Thị Phương Quỳnh	12/11/2011	Trường THCS An Thới	7,75	6,60	8,45				<b>22,80</b>	
541	080556	Đoàn Trúc Quỳnh	13/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,75	7,20	8,05				<b>23,00</b>	
542	080557	Trần Trúc Quỳnh	25/05/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	6,75	7,25	9,70		1,0		<b>24,70</b>	
543	080558	Nguyễn Lâm Sang	09/11/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	7,60	7,55				<b>22,65</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
544	080559	Đặng Quang Sáng	16/03/2011	Trường THCS Trà An	7,75	8,75	8,80				<b>25,30</b>	
545	080560	Phùng Tấn Sang	29/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	6,40	8,60				<b>23,00</b>	
546	080561	Ngô Trung Sơn	22/10/2011	Trường THCS An Thới	8,00	6,30	7,85				<b>22,15</b>	
547	080562	Lê Ngọc Tài	14/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,75	5,20	7,70				<b>19,65</b>	
548	080563	Nguyễn Đỗ Thanh Tâm	05/06/2011	Trường THCS An Thới	7,50	7,20	5,85				<b>20,55</b>	
549	080564	Văn Hoài Tâm	04/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	7,05	7,55				<b>22,35</b>	
550	080565	Nguyễn Ngọc Tâm	19/08/2011	Trường THCS An Thới	8,00	6,35	7,35				<b>21,70</b>	
551	080566	Lê Thanh Tâm	11/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	3,75	4,00	2,75				<b>10,50</b>	
552	080567	Trần Thị Mỹ Tâm	18/04/2011	Trường THCS Long Hòa	8,00	6,85	7,25				<b>22,10</b>	
553	080568	Tổng Thế Tân	01/06/2011	Trường THCS An Thới	8,25	8,05	8,55		1,0		<b>25,85</b>	
554	080569	Nguyễn Anh Thái	12/11/2011	Trường THCS An Thới	6,50	8,75	8,60				<b>23,85</b>	
555	080570	Huỳnh Hoàng Thái	27/11/2011	Trường THCS An Thới	4,75	4,90	4,60				<b>14,25</b>	
556	080572	Huỳnh Quốc Thái	17/05/2011	Trường THCS An Thới	8,00	6,95	6,70		1,0		<b>22,65</b>	
557	080573	Từ Đại Thắng	10/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	6,25	7,55	8,20				<b>22,00</b>	
558	080574	Nguyễn Quốc Thắng	03/10/2011	Trường THCS An Thới	5,50	4,85	6,35				<b>16,70</b>	
559	080575	Đỗ Công Thành	29/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,25	6,85	8,00				<b>22,10</b>	
560	080576	Nguyễn Đức Thành	11/01/2011	Trường THCS An Thới	4,25	5,00	6,05				<b>15,30</b>	
561	080577	Hồ Mai Chí Thành	26/07/2011	Trường THCS An Thới	4,92	4,55	4,25				<b>13,72</b>	
562	080578	Trần Ngọc Đan Thanh	17/08/2011	Trường THCS Long Hòa	8,50	9,25	7,85				<b>25,60</b>	
563	080579	Trần Ngọc Thiên Thanh	18/02/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	8,75	6,40	6,55				<b>21,70</b>	
564	080580	Nguyễn Nhật Thanh	23/06/2011	Trường THCS An Thới	7,25	5,05	5,80				<b>18,10</b>	
565	080582	Nguyễn Thanh Thanh	16/12/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,00	4,85	5,90				<b>17,75</b>	
566	080583	Bùi Thị Lan Thanh	24/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	6,10	6,15				<b>19,75</b>	
567	080584	Phùng Trí Thành	18/05/2011	Trường THCS An Thới	6,00	4,20	3,75				<b>13,95</b>	
568	080585	Lâm Hồng Phương Thảo	22/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	7,55	7,35				<b>23,15</b>	
569	080586	Nguyễn Ngọc Phương Thảo	02/11/2011	Trường THCS An Thới	8,50	8,30	9,10			1,0	<b>26,90</b>	
570	080587	Nguyễn Ngọc Thanh Thảo	16/07/2011	Trường THCS An Thới	8,00	4,85	7,20				<b>20,05</b>	
571	080588	Đặng Phương Thảo	14/05/2011	Trường THCS Long Xuyên	8,25	6,05	6,30				<b>20,60</b>	
572	080589	Võ Phương Thảo	08/12/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,60	7,45				<b>21,05</b>	
573	080590	Phạm Thanh Thảo	13/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	6,65	6,70				<b>21,35</b>	
574	080592	Trần Ngọc Anh Thi	06/10/2011	Trường THCS An Thới	8,00	8,75	9,45				<b>26,20</b>	
575	080593	Nguyễn Thị Diễm Thi	16/12/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,25	4,50	6,35				<b>18,10</b>	
576	080594	Lê Chính Thiện	13/11/2011	Trường THCS Trà An	6,00	8,35	8,75				<b>23,10</b>	
577	080595	Phạm Hoàng Thiện	30/08/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,00	6,85	7,20				<b>21,05</b>	
578	080596	Võ Lê Thiện	06/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	8,25	8,35				<b>24,35</b>	
579	080597	Ngô Phước Thiện	07/09/2011	Trường THCS An Thới	6,25	7,10	8,05				<b>21,40</b>	
580	080598	Cao Trương Hữu Thiện	11/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,25	5,40	5,55				<b>16,20</b>	
581	080599	Nguyễn Cường Thịnh	13/08/2011	Trường THCS An Thới	6,50	5,15	8,60				<b>20,25</b>	
582	080600	Lê Hoàng Thịnh	23/06/2011	Trường THCS Chu Văn An	7,50	7,10	9,10		1,0		<b>24,70</b>	
583	080601	Nguyễn Hoàng Phúc Thịnh	22/08/2011	Trường THCS An Thới	5,50	6,80	6,70				<b>19,00</b>	
584	080602	Nguyễn Ngọc Thịnh	20/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	7,65	7,60				<b>22,50</b>	
585	080603	Phạm Phúc Thịnh	27/07/2011	Trường THCS An Thới	5,75	7,85	9,05				<b>22,65</b>	
586	080604	Lý Phước Thịnh	11/01/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,50	6,10	7,60		1,0		<b>21,20</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
587	080605	Mai Quốc Thịnh	19/08/2011	Trường THCS An Thái	8,00	7,60	8,55				<b>24,15</b>	
588	080606	Trương Tiến Thịnh	03/10/2011	Trường THCS An Thái	7,25	6,60	8,20				<b>22,05</b>	
589	080607	Đỗ Nguyễn Nhã Thơ	20/04/2011	Trường THCS Trà An	8,00	8,00	8,85				<b>24,85</b>	
590	080608	Phạm Hoàng Thông	22/08/2011	Trường THCS An Thái	7,75	9,50	9,45				<b>26,70</b>	
591	080610	Đỗ Anh Thư	03/09/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,00	7,10	7,85				<b>21,95</b>	
592	080611	Lê Anh Thư	03/05/2011	Trường THCS An Thái	7,00	8,05	9,10				<b>24,15</b>	
593	080612	Lê Anh Thư	26/11/2011	Trường THCS An Thái	8,50	7,85	9,25				<b>25,60</b>	
594	080613	Tô Anh Thư	23/07/2011	Trường THCS An Thái	8,25	7,80	9,35				<b>25,40</b>	
595	080614	Trần Anh Thư	11/10/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	8,50	9,25				<b>24,50</b>	
596	080615	Lâm Bảo Thư	15/10/2011	Trường THCS Long Xuyên	5,75	6,45	7,70				<b>19,90</b>	
597	080616	Nguyễn Đan Thư	24/09/2011	Trường THCS An Thái	6,00	6,95	6,95				<b>19,90</b>	
598	080617	Nguyễn Hoàng Quỳnh Thư	13/10/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,50	6,60	9,45				<b>22,55</b>	
599	080618	Phạm Huỳnh Anh Thư	11/08/2011	Trường THCS An Thái	6,75	6,15	4,35				<b>17,25</b>	
600	080619	Phan Huỳnh Anh Thư	01/06/2011	Trường THCS An Khánh	6,75	6,50	7,55				<b>20,80</b>	
601	080620	Đặng Huỳnh Minh Thư	08/02/2011	Trường THCS An Thái	7,00	8,50	8,45				<b>23,95</b>	
602	080621	Lý Huỳnh Phương Thư	12/03/2011	Trường THCS An Thái	7,00	6,65	7,15				<b>20,80</b>	
603	080622	Đình Minh Thư	14/05/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,75	4,50	2,75				<b>14,00</b>	
604	080623	Nguyễn Minh Thư	31/07/2011	Trường THCS Trà An	7,00	9,00	7,20				<b>23,20</b>	
605	080624	Huỳnh Ngọc Anh Thư	22/11/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,00	7,80	8,45				<b>23,25</b>	
606	080625	Nguyễn Ngọc Minh Thư	03/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	9,00	8,45				<b>25,70</b>	
607	080626	Đỗ Nguyễn Kim Thư	10/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,75	4,60	4,60				<b>16,95</b>	
608	080627	Tăng Nguyễn Kim Thư	03/08/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	5,75	5,35	5,30		1,0		<b>17,40</b>	
609	080628	Nguyễn Hồng Thuận	13/12/2011	Trường THCS An Thái	6,00	7,60	7,30				<b>20,90</b>	
610	080629	Nguyễn Tất Thuận	25/07/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,50	5,80	8,15				<b>20,45</b>	
611	080630	Hoàng Hoài Thương	04/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,50	7,75	7,70				<b>23,95</b>	
612	080631	Nguyễn Hoài Thương	08/08/2011	Trường THCS Trà An	7,50	6,95	6,70				<b>21,15</b>	
613	080632	Nguyễn Ngọc Thúy	26/04/2011	Trường THCS An Thái	8,50	4,90	6,55				<b>19,95</b>	
614	080633	Lê Nguyễn Minh Thủy	12/12/2011	Trường THCS An Thái	7,75	7,65	8,45				<b>23,85</b>	
615	080634	Nguyễn Phan Thanh Thủy	17/09/2011	Trường THCS Long Xuyên	8,50	8,00	9,85				<b>26,35</b>	
616	080635	Nguyễn Phương Thúy	19/05/2011	Trường THCS An Thái	7,25	7,10	9,50				<b>23,85</b>	
617	080636	Văn Thị Thu Thủy	02/02/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	8,30	9,45				<b>25,25</b>	
618	080637	Nguyễn Xuân Thủy	18/05/2011	Trường THCS Long Hòa	8,00	6,45	7,35				<b>21,80</b>	
619	080638	Nguyễn Bảo Thy	13/07/2011	Trường THCS An Thái	7,00	8,50	7,95				<b>23,45</b>	
620	080639	Huỳnh Khánh Thy	08/05/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,50	7,85	7,50				<b>22,85</b>	
621	080640	Mai Nguyễn Khánh Thy	22/08/2011	Trường THCS An Hòa 1	5,50	4,75	7,95				<b>18,20</b>	
622	080641	Lê Nguyễn Minh Thy	04/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	6,65	8,70				<b>22,60</b>	
623	080642	Phạm Đoàn Tiến	10/10/2011	Trường THCS Trà An	7,00	7,75	5,90				<b>20,65</b>	
624	080643	Đình Lâm Thủy Tiên	13/08/2010	Trường THCS Trần Hưng Đạo	5,50	7,10	3,75		1,0		<b>17,35</b>	
625	080644	Lê Minh Tiên	02/04/2011	Trường THCS Long Hòa	8,00	8,50	7,45				<b>23,95</b>	
626	080645	Võ Mỹ Tiên	07/05/2011	Trường THCS An Hòa 1	6,50	5,50	7,95				<b>19,95</b>	
627	080646	Mai Nguyễn Ngọc Tiên	17/08/2011	Trường THCS An Thái	7,75	7,80	8,10				<b>23,65</b>	
628	080647	Nguyễn Thanh Minh Tiên	13/09/2011	Trường THCS An Khánh	7,75	6,15	5,30				<b>19,20</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
629	080648	Nguyễn Văn Tiến	25/04/2011	Trường THCS An Thới	7,75	9,00	9,70				<b>26,45</b>	
630	080649	Phạm Xuân Tiến	30/04/2011	Trường THCS Trà An	8,00	7,35	5,20				<b>20,55</b>	
631	080650	Phạm Trọng Tín	17/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	8,25	9,45				<b>25,20</b>	
632	080651	Phan Thanh Tính	30/05/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,50	9,50	9,10				<b>26,10</b>	
633	080652	Nguyễn Toàn	03/09/2011	Trường THCS An Thới	5,00	6,10	9,60				<b>20,70</b>	
634	080653	Nguyễn Minh Toàn	26/10/2011	Trường THCS Trà An	7,58	7,80	8,45				<b>23,83</b>	
635	080654	Lâm Thái Toàn	01/04/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,50	7,35	4,20				<b>19,05</b>	
636	080655	Nguyễn Ngọc Sơn Trà	30/04/2011	Trường THCS An Thới	6,50	5,50	4,65				<b>16,65</b>	
637	080656	Lê Trần Thanh Trà	20/10/2011	Trường THCS An Thới	6,91	8,05	7,40				<b>22,36</b>	
638	080657	Phan Thùy Trâm	26/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,50	7,80	8,70				<b>25,00</b>	
639	080658	Hà Bảo Trân	04/09/2011	Trường THCS Chu Văn An	7,75	6,45	8,20				<b>22,40</b>	
640	080659	Nguyễn Bảo Trân	05/04/2011	Trường THCS Trà An	8,25	6,50	7,10				<b>21,85</b>	
641	080660	Nguyễn Bảo Trân	23/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	9,00	7,60	9,70				<b>26,30</b>	
642	080661	Trịnh Bảo Trân	17/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	7,30	6,20		1,0		<b>22,00</b>	
643	080662	Nguyễn Huỳnh Mỹ Trân	30/03/2011	Trường THCS Long Hòa	8,25	8,05	7,85				<b>24,15</b>	
644	080663	Đỗ Ngọc Trân	05/02/2011	Trường THCS Trà An	8,75	8,60	8,85				<b>26,20</b>	
645	080664	Trần Ngọc Trân	29/12/2011	Trường THCS Liêu Tú	6,00	5,05	4,70		1,0		<b>16,75</b>	
646	080665	Nguyễn Ngọc Bảo Trân	01/01/2011	Trường THCS Trần Hưng Đạo	8,25	8,55	5,30				<b>22,10</b>	
647	080666	Trần Trương Ngọc Trân	09/07/2011	Trường THCS An Hòa 1	5,75	2,80	1,00				<b>9,55</b>	
648	080667	Trần Hà Trang	29/04/2011	Trường THCS Long Xuyên	6,41	5,55	6,05				<b>18,01</b>	
649	080668	Đào Nguyễn Hà Trang	23/05/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,30	8,10				<b>22,40</b>	
650	080669	Lê Thị Quỳnh Trang	13/07/2011	Trường THCS Trà An	8,25	6,65	5,20				<b>20,10</b>	
651	080670	Nguyễn Thị Thiên Trang	28/12/2011	Trường THCS Lương Thế Vinh	7,75	9,25	5,85				<b>22,85</b>	
652	080671	Bùi Thùy Trang	22/09/2011	Trường THCS Trà An	8,00	6,15	8,70				<b>22,85</b>	
653	080672	Nguyễn Công Trí	11/11/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,05	7,75				<b>23,30</b>	
654	080673	Bùi Minh Trí	23/10/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,35	9,30				<b>25,40</b>	
655	080674	Đặng Minh Trí	01/12/2011	Trường THCS Trà An	8,50	8,05	4,15				<b>20,70</b>	
656	080675	Nguyễn Minh Trí	23/07/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,50	9,45				<b>25,45</b>	
657	080676	Phan Thế Trí	05/05/2011	Trường THCS An Thới	6,25	6,55	7,05				<b>19,85</b>	
658	080677	Bùi Trần Đức Trí	22/09/2011	Trường THCS An Khánh	8,25	7,75	6,60				<b>22,60</b>	
659	080678	Nguyễn Đông Triết	04/01/2011	Trường THCS Long Xuyên	8,00	9,00	9,00				<b>26,00</b>	
660	080679	Huỳnh Minh Triết	19/06/2011	Trường THCS An Thới	7,75	6,25	5,05				<b>19,05</b>	
661	080680	Nguyễn Trung Triết	15/01/2011	Trường THCS Thới Bình	7,00	5,50	6,10				<b>18,60</b>	
662	080681	Nguyễn Đình Trọng	22/12/2011	Trường THCS Long Xuyên	5,75	7,30	4,10				<b>17,15</b>	
663	080682	Lê Đức Trọng	19/11/2011	Trường THCS Thới Bình	8,00	6,35	8,00				<b>22,35</b>	
664	080684	Phan Thế Trọng	05/05/2011	Trường THCS An Thới	7,00	5,95	6,95				<b>19,90</b>	
665	080685	Nguyễn Văn Trọng	06/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	8,00	6,35				<b>21,35</b>	
666	080686	Nguyễn Huỳnh Thanh Trúc	03/03/2011	Trường THCS Long Xuyên	7,75	8,60	7,10				<b>23,45</b>	
667	080687	Võ Thanh Trúc	03/05/2011	Trường THCS An Thới	7,25	5,60	3,70				<b>16,55</b>	
668	080688	Lê Trần Thanh Trúc	13/04/2011	Trường THCS Trà An	8,00	8,75	9,10				<b>25,85</b>	
669	080689	Nguyễn Trần Thủy Trúc	03/05/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,50	7,30	9,50				<b>24,30</b>	
670	080690	Trần Quốc Trung	27/10/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	5,50	3,60	3,75				<b>12,85</b>	
671	080691	Liên Tấn Trung	05/06/2011	Trường THCS An Thới	4,25	3,30	1,35				<b>8,90</b>	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
672	080692	Nguyễn Phan Nhật Trường	30/10/2011	Trường THCS Trà An	7,00	5,40	6,20				18,60	
673	080693	Lâm Thiên Trường	23/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	5,70	7,85				20,05	
674	080694	Võ Dư Tấn Tú	25/04/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,25	7,40	8,45				23,10	
675	080695	Ung Hoàng Thanh Tú	05/02/2011	Trường THCS An Thới	5,75	5,05	4,80				15,60	
676	080696	Sơn Phước Tú	01/12/2011	Trường THCS An Hòa 2	8,25	7,05	6,45				21,75	
677	080697	Nguyễn Anh Tuấn	16/01/2011	Trường THCS Trà An	7,50	6,90	8,70				23,10	
678	080698	Trần Anh Tuấn	06/04/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,25	3,20	3,00				11,45	
679	080699	Phan Nguyên Tuấn	10/01/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	8,25	6,50	6,80				21,55	
680	080701	Trần Hoàng Tùng	30/06/2011	Trường THCS An Hòa 1	5,75	5,85	9,30				20,90	
681	080702	Lê Phúc Tùng	28/08/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,00	5,85	8,30				20,15	
682	080703	Đặng Cát Tường	29/10/2011	Trường THCS An Thới	6,50	6,65	8,45				21,60	
683	080704	Hoàng Ngọc Cát Tường	28/03/2011	Trường THCS An Thới	8,00	6,95	6,95				21,90	
684	080705	Lưu Nguyễn Cát Tường	15/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,75	5,60	4,80				17,15	
685	080706	Huỳnh Ngọc Tuyền	20/02/2011	Trường THCS An Hòa 2	3,75	3,95	3,10				10,80	
686	080707	Nguyễn Ngọc Tuyền	02/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	7,30	5,20				20,00	
687	080708	Nguyễn Đặng Ngọc Tuyết	17/08/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,50	4,95	3,35				15,80	
688	080710	Nguyễn Võ Đức Uy	11/07/2011	Trường THCS An Thới	6,50	7,65	9,20				23,35	
689	080711	Phan Lê Phương Uyên	05/08/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,05	9,60				25,15	
690	080712	Lê Nguyễn Ngọc Uyên	15/12/2011	Trường THCS An Hòa 2	6,50	3,40	8,10				18,00	
691	080713	Lê Phương Uyên	08/08/2011	Trường THCS An Thới	7,00	7,80	7,20				22,00	
692	080714	Phan Thị Tố Uyên	17/03/2011	Trường THCS Trà An	7,00	5,80	6,05				18,85	
693	080715	Nguyễn Trần Nhã Uyên	18/01/2011	Trường THCS An Thới	8,00	8,30	7,10				23,40	
694	080716	Hồ Nguyễn Thanh Vinh	25/05/2011	Trường THCS An Thới	6,75	5,95	6,30				19,00	
695	080717	Huỳnh Nhất Vinh	11/03/2011	Trường THCS Long Tuyền	7,75	8,75	7,40				23,90	
696	080718	Nguyễn Phan Thế Vinh	14/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	7,05	7,20				21,25	
697	080719	Trần Phú Vinh	11/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	8,35	9,20				24,30	
698	080720	Nguyễn Phúc Vinh	02/07/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	6,20	6,45				19,90	
699	080721	Trần Tấn Vinh	26/05/2011	Trường THCS An Hòa 1	8,75	8,75	9,85				27,35	
700	080722	Lê Vy	28/07/2010	Trường THCS Thới Bình	5,75	4,15	3,70				13,60	
701	080723	Nguyễn Ái Vy	06/07/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	7,50	5,45	6,20				19,15	
702	080724	Huỳnh Dương Nhã Vy	14/12/2011	Trường THCS An Thới	7,00	8,00	9,60				24,60	
703	080725	Võ Hà Phương Vy	29/06/2011	Trường THCS An Thới	7,50	8,55	8,10				24,15	
704	080726	Nguyễn Hoàng Thúy Vy	28/06/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,00	9,45				25,20	
705	080727	Nguyễn Lâm Khánh Vy	07/11/2011	Trường THCS Long Tuyền	6,50	7,85	6,35				20,70	
706	080728	Đặng Lê Khánh Vy	22/08/2011	Trường THCS Trà An	8,25	8,05	7,05				23,35	
707	080729	Trần Ngô Phương Vy	25/12/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	8,00	8,20				23,20	
708	080730	Trần Ngọc Khánh Vy	05/04/2011	Trường THCS Thới Bình	9,25	5,30	7,60				22,15	
709	080731	Đỗ Ngọc Lan Vy	10/10/2011	Trường THCS An Thới	7,00	6,25	6,30				19,55	
710	080732	Lê Ngọc Lan Vy	11/08/2011	Trường THCS Huỳnh Thúc Kháng	5,00	5,60	4,60				15,20	
711	080733	Nghiêm Nguyễn Khả Vy	15/11/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,50	7,30	6,35				21,15	
712	080735	Hoàng Nguyễn Yến Vy	18/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	7,60	8,10				23,20	
713	080736	Huỳnh Phạm Khánh Vy	06/05/2011	Trường THCS An Thới	7,25	8,55	8,65				24,45	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
714	080737	Tạ Phương Vy	01/09/2011	Trường THCS Long Hòa	7,75	8,05	9,70				25,50	
715	080738	Nguyễn Thảo Vy	04/10/2011	Trường THCS An Thới	8,75	9,25	8,05				26,05	
716	080739	Nguyễn Thị Hiếu Vy	12/04/2011	Trường THCS Long Tuyền	7,50	8,10	7,80				23,40	
717	080740	Nguyễn Thị Yên Vy	05/08/2011	Trường THCS Long Tuyền	8,25	8,05	7,30				23,60	
718	080741	Võ Trần Hạo Vy	22/10/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,05	9,35				25,15	
719	080742	Nguyễn Trần Khánh Vy	27/07/2011	Trường THCS Trà An	7,25	8,75	9,45				25,45	
720	080743	Nguyễn Triệu Vy	17/07/2011	Trường THCS Đông Phú	5,25	4,20	5,95				15,40	
721	080744	Nguyễn Vũ Thảo Vy	12/02/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,50	6,20	7,55				20,25	
722	080745	Phạm Yên Vy	19/10/2011	Trường THCS An Thới	5,00	7,80	7,45				20,25	
723	080746	Trần Nguyễn Chúc Xuân	03/02/2011	Trường THCS Long Hòa	6,75	5,80	5,35				17,90	
724	080748	Huỳnh Lâm Như Ý	09/12/2011	Trường THCS Trà An	6,00	4,20	1,95				12,15	
725	080749	Đương Lê Như Ý	07/05/2011	Trường THCS An Hòa 1	7,50	5,10	4,20				16,80	
726	080750	Hoàng Lê Như Ý	26/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,25	7,75	7,30				22,30	
727	080751	Lê Ngọc Như Ý	04/04/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,00	6,35	5,10				18,45	
728	080752	Nguyễn Ngọc Như Ý	11/06/2011	Trường THCS Long Tuyền	7,00	9,25	9,05				25,30	
729	080753	Lê Nguyễn Như Ý	10/11/2011	Trường THCS An Thới	6,75	5,10	7,20				19,05	
730	080754	Mai Như Ý	18/12/2011	Trường THCS An Thới	7,75	8,25	9,35		1,0		26,35	
731	080755	Phan Trần Như Ý	17/03/2011	Trường TH và THCS Phong Nẫm	7,00	6,95	5,75				19,70	
732	080756	Hứa Hải Yên	20/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	4,25	3,90	4,45				12,60	
733	080758	Lâm Kim Yên	29/05/2011	Trường THCS Long Tuyền	7,75	7,55	9,70				25,00	
734	080759	Hồ Ngọc Yên	27/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	7,75	8,70				24,70	
735	080760	Nguyễn Ngọc Hải Yên	28/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	6,65	6,85				20,50	
736	080761	Lương Ngọc Phi Yên	01/12/2011	Trường THCS An Thới	2,25	3,35	2,75				8,35	
737	080762	Nguyễn Phi Yên	28/06/2011	Trường THCS An Hòa 2	7,25	7,20	7,50				21,95	
738	080763	Cao Thị Bảo Yên	05/07/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,50	5,55	4,00				15,05	
739	080764	Lê Thị Kim Yên	25/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,00	6,75	7,20				21,95	
740	080001	Nguyễn Bá Bảo An	12/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	6,65		2,65			14,80	
741	080002	Lâm Hoài An	04/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	7,15		5,60			19,25	
742	080011	Trần Trường An	04/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	4,00	2,85		2,65			9,50	
743	080119	Phùng Bảo Duy	28/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,75	5,75		7,05			19,55	
744	080236	Bùi Quốc Huy	15/02/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,50	4,90		7,00	1,0		19,40	
745	080250	Nguyễn Minh Khang	13/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	4,75	2,55		4,35			11,65	
746	080274	Nguyễn Anh Khoa	22/03/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	4,00		6,40			15,90	
747	080305	Trương Quốc Kiệt	21/04/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	8,05		8,85			25,15	
748	080312	Nguyễn Thiên Kim	24/10/2011	Trường THCS An Hòa 2	5,25	4,25		3,50			13,00	
749	080385	Phạm Hoàng Nam	07/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	6,80		5,20			17,50	
750	080390	Nguyễn Diệp Tài Ngân	05/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	4,00	2,95		7,85			14,80	
751	080438	Phan Thị Tú Ngọc	10/09/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	7,80		8,25			23,05	
752	080462	Lê Ngọc Nhi	25/06/2011	Trường THCS Bình Thủy	6,50	6,20		5,80			18,50	
753	080499	Hồ Bảo Phúc	21/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,00	2,75		4,10			11,85	
754	080522	Lai Khả Phương	20/07/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,00	3,20		3,75	1,0		13,95	
755	080571	Trần Ngọc Thái	30/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	3,75		3,60			12,85	
756	080581	Nguyễn Tấn Thành	25/10/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,50	4,20		5,30			15,00	
757	080591	Võ Hoàng Thế	12/11/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,25	4,85		5,05			15,15	

ST T	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Học sinh trường	Văn	Toán	Anh	Pháp	ƯT	KK	ĐXT	Ghi chú
758	080609	Nguyễn Quốc Minh Thông	16/11/2011	Trường THCS Đoàn Thị Điểm	6,75	8,60		7,35			<b>22,70</b>	
759	080683	Lê Hữu Trọng	24/02/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	4,75		5,90			<b>17,65</b>	
760	080700	Phạm Gia Tuệ	19/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,00	9,30		8,10			<b>24,40</b>	
761	080709	Trang Hồ Kim Tuyết	03/05/2011	Trường THCS Bình Thủy	5,75	5,20		4,55			<b>15,50</b>	
762	080734	Thái Nguyễn Tường Vy	01/12/2011	Trường THCS Bình Thủy	7,50	5,10		7,20			<b>19,80</b>	
763	080747	Dương Huỳnh Như Ý	12/08/2011	Trường THCS Bình Thủy	8,25	6,60		8,35			<b>23,20</b>	
764	080757	Huỳnh Hải Yến	01/01/2011	Trường THCS Bình Thủy	4,83	1,90		5,45			<b>12,18</b>	

Cách tính điểm xét tuyển vào trường THPT hình thức thi tuyển:  $ĐXT_{TT} = Đ_{V\grave{a}n} + Đ_{T\grave{o}a\grave{n}} + Đ_{N\grave{N}} + Đ_{U\grave{T}} + Đ_{K\grave{K}}$

Phải đạt tối thiểu 1,0 điểm ở mỗi môn thi.

Cần Thơ, ngày 10 tháng 7 năm 2026

**DUYỆT CỦA LÃNH ĐẠO SỞ GD&ĐT**  
**Q. GIÁM ĐỐC**

**XÁC NHẬN CỦA HỘI ĐỒNG CHẤM THI**  
**PHÓ CHỦ TỊCH (CHUYÊN MÔN)**

**LẬP BẢNG**

**Trần Thị Huyền**

**Trần Hiền Hòa**

**Kiều Thị Kiều Thanh**